

TỈNH KON TUM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 20/5/2022

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HẠ TỈNH KON TUM

sau khi đáo nợ xong không trả lại số tiền trên cho tôi. Đến cuối tháng 12 năm 2020 có trả cho tôi được 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) từ đó cho đến nay vẫn chưa trả mặc dù đã nhiều lần tôi liên hệ để đòi tiền nhưng cứ hứa hẹn, đổ thừa lý do không chịu trả tiền cho tôi.

Khi tôi liên hệ bà Hòa thì bà Hòa tìm cách đùn đẩy trách nhiệm cho con, riêng vợ chồng chị D, anh Tú lại không có mặt tại ĐH và tôi không biết ở đâu. Hành vi đẩy trách nhiệm cho nhau của gia đình bà Hòa, chị D, anh Tú nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm trả nợ và chiếm đoạt tài sản của tôi. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐH giải quyết buộc chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH trả cho tôi số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và số tiền lãi từ tháng 12/2020 đến ngày 01/12/2021 là 34.200.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng*). Tổng cộng là 334.200.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng*).

Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 05/01/2022 chị Nguyễn Thị KD và anh Nghiêm TT trình bày: Vào ngày 13 tháng 8 năm 2020 tôi và chồng tôi cùng mẹ là bà Lâm TH có vay của anh Tiêu VT số tiền là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng đến cuối tháng 12 năm 2020 chúng tôi có trả cho anh TH số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) chúng tôi còn nợ lại 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) do làm ăn khó khăn chúng tôi chưa trả được nên anh TH khởi kiện chúng tôi lên Tòa án với số tiền là 334.200.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng*) trong đó 300.000.000 đồng là tiền gốc và 34.200.000 đồng là tiền lãi. Tôi đồng ý trả nợ và xin được trả dần tiền gốc riêng khoản tiền lãi tôi xin không trả. Do chúng tôi làm ăn khó khăn nên không có điều kiện trả nợ.

- *Bị đơn bà Lâm TH khai:* Tại bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2022 bà Lâm TH khai: Vào ngày 13 tháng 8 năm 2020 tôi có xác nhận vào giấy vay tiền của anh Tiêu VT cho con gái tôi vay đáo hạn Ngân hàng trong đó tôi không được cầm tiền và cũng không biết đưa tiền cho con gái tôi lúc nào và bao nhiêu tiền. Nên không đồng ý trả nợ chung.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Bùi Thị DM khai: Việc vay mượn giữa anh Tiêu VT, chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH chị không liên quan, không biết và không cùng vay mượn. Do chị D là nhân viên làm việc cho tôi nên thời điểm năm 2020 chị D gửi cả phê cho tôi và lương của chị D để tránh ồn ào tôi có trả số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) cho anh TH. Sau đó chị D không làm ở công ty tôi nữa nên tôi không có trách nhiệm đối với khoản nợ của chị D với anh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội D vụ án:

Căn cứ các Điều 351, 357, 463, 466 BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT phải trả cho ông Tiêu VT số tiền: 322.398.241 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi một đồng*). Số tiền trên được các đương sự thỏa thuận đồng đồng ý tại phiên tòa hôm nay bà Lâm TH không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là anh Tiêu VT. Địa chỉ: Thôn 4, xã DB, huyện ĐT, tỉnh Kon Tum với bị đơn Chị Nguyễn Thị KD; anh Nghiêm TT và bà Lâm TH. Cùng địa chỉ: 639 B HV, thị trấn DH, huyện DH, tỉnh Kon Tum là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DH được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào Thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội D vụ án: Anh Tiêu VT có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để đáo hạn ngân hàng nhưng sau khi đáo xong không trả lại số tiền trên cho anh Tiêu VT. Đến cuối tháng 12 năm 2020 đã trả cho anh TH được số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Số tiền còn lại 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) đến nay vẫn chưa trả nhiều lần anh TH liên hệ đòi tiền thì cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác, đổ thừa lý do không chịu trả nợ. Vì vậy anh TH yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH phải trả cho anh TH số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). và nợ lãi tính từ tháng 12/2020 đến ngày 01/12/2021 là 34.200.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng*). Tổng cộng số tiền là 334.200.000 đồng (*Ba trăm ba mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng*). Trả làm một lần. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ anh Tiêu VT cung cấp cho Tòa án 01 giấy biên nhận mượn tiền mặt được đánh máy và điền chữ viết tay mực bút bi xanh có nội D khoản nợ có xác nhận và chữ ký của vợ chồng chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH ký và xác nhận “*Tôi có nhận 500 triệu đồng cùng với con gái tôi*”.

* Về nội D khởi kiện.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị KD và anh Nghiêm TT thừa nhận có nợ số tiền vay để đáo nợ Ngân hàng là 500.000.000 đồng. Riêng bị đơn bà Lâm TH không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ mà bà Hòa cho rằng bà chỉ xác nhận nợ vào giấy vay tiền của anh TH cho con gái vay đáo hạn, bà Hòa không được cầm tiền và cũng không biết đưa tiền cho con

gái bà lúc nào? bao nhiêu?. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giấy biên nhận mượn tiền mặt được đánh máy và điền chữ viết tay mực bút bi xanh có nội D khoản nợ có xác nhận và chữ ký của vợ chồng chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm THký và xác nhận “*Lâm TH(mẹ) (Tôi có nhận 500 triệu đồng cùng với con gái tôi)*”. Trong nội D xác nhận người xác nhận đã thể hiện ý trí trong giao dịch dân sự. Như vậy là bà Hòa đã đồng ý với nội D và xác nhận có nhận tiền 500.000.000 đồng cùng với con gái là chị Nguyễn Thị KD . Hơn nữa tại biên bản hòa giải ngày 05/1/2022 và Biên bản đối chất ngày 21/2/2022 bà Hòa đồng ý chịu trách nhiệm một phần trả nợ cho con gái bà là chị Nguyễn Thị KD. Trong biên bản tự khai ngày 05/01/2022 chị Nguyễn Thị KD cũng thừa nhận mẹ chị là bà Lâm THcùng vay nợ tiền với vợ chồng chị. Vì vậy bà Hòa phải có trách nhiệm liên đới cùng với con gái mình là chị Nguyễn Thị KD và anh Nghiêm TT trong việc trả nợ cho anh Tiêu VT. Nhận thấy nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn thừa nhận chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật và xác nhận chữ ký, chữ viết là của chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH. Do vậy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lâm THphải có trách nhiệm liên đới cùng với chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT trả số tiền nợ gốc còn lại và tính lãi cho anh Tiêu VT. Tại phiên tòa hôm nay anh TH yêu cầu chị D, anh Tú và bà Hòa trả số tiền nợ gốc và lãi là 322.398.241 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi một đồng*) trong đó nợ gốc là 279.859.585 đồng và 42.538.656 đồng tiền lãi. Yêu cầu này của anh TH được chị D, anh Tú và bà Hòa đồng ý không tranh chấp về số tiền gốc và tiền lãi mà anh TH yêu cầu tại phiên tòa hôm nay.

Đối với ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị KD giấy vay nợ ngày 13/8/2020 có liên quan đến chị Bùi Thị DM, qua xem xét giấy vay nợ ngày 13/8/2020 không có chữ ký và xác nhận của chị My hơn nữa tại bản tự khai ngày 16/5/2022 chị My cũng khẳng định không liên quan đến giấy vay nợ ngày 13/8/2020. Do vậy không có cơ sở để khẳng định chị Bùi Thị DM là người chịu trách nhiệm đến khoản nợ của anh Tiêu VT còn giao dịch dân sự vay mượn tiền giữa chị Bùi Thị DM với anh Tiêu VT không liên quan đến vụ án này.

[3] *Về số tiền lãi*: Về yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn là 42.538.656 đồng (*Bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi xuất trả là 0.95%/tháng phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Tiêu VT được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm THphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự: Áp dụng các Điều 288; 351; 357; 463; 466; 468 của Bộ luật

dân sự 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn anh Tiêu VT đề ngày 10/12/2021.

[2] Buộc chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH phải có nghĩa vụ trả cho anh Tiêu VT tổng số tiền 322.398.241 đồng (*Ba trăm hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 279.859.585 đồng và 42.538.656 tiền lãi.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày anh Tiêu VT có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, 18, 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị KD, anh Nghiêm TT và bà Lâm TH phải chịu 16.119.912 đồng (*Mười sáu triệu một trăm mười chín ngàn chín trăm mười hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Tiêu VT không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho ông Tiêu VT số tiền 8.355.000 đồng (*Tám triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001608 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Kon Tum

[4] Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (20/5/2022) nguyên đơn, bị đơn, có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người có QLNVLQ vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai nơi cư trú.

TH hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THA H. ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm TN

